TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-PT
Ngày 29-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 95/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Trần Văn L, sinh năm 1991; Giới tính: nam; ĐKTT và nơi ở: Tổ dân phố số C, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1971 và bà Lương Thị N, sinh năm 1972; gia đình có 2 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; vợ Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Vắng mặt.

- *Bị hại:*
1. Anh Vũ Văn L1, sinh năm 1968; Có mặt.
2. Chị Lưu Thị V, sinh năm 1975; Có mặt.

Đều trú tại: Xóm I xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Văn L1 và Lưu Thị V:* Luật sư Trịnh Thị H1 – Luật sư Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 25/10/2021, Trần Văn L ký hợp đồng thuê hai thửa đất số 154, 155 tờ bản đồ số 1, ở xóm I, xã N, huyện N với tổng diện tích 300m^2 của vợ chồng anh Phạm Văn B và chị Trần Thị N1 để sử dụng. Khi thuê, vợ chồng anh B chị N1 có nói cho L biết việc hai thửa đất này đang có tranh chấp với gia đình anh Vũ Văn L1 và vợ là Lưu Thị V. Do hai thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp năm 2009, cấp lại năm 2018) mang tên anh B và chị N1 nên L vẫn thuê. Ngày 07/5/2022, L thuê máy xúc của anh Trần Văn T1 đến vị trí hai thửa đất nêu trên để giải phóng mặt bằng. Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 07/5/2022, L cùng anh T1 và anh Nguyễn Văn Đ (là người lái máy xúc thuê cho anh T1) đưa máy xúc đến để giải phóng mặt bằng thì gặp vợ chồng anh L1. L dùng thước dây để đo, xác định phần đất đã thuê của vợ chồng anh B, chị N1 để tiến hành phá dỡ. Vợ chồng anh L1, chị V cho rằng 02 thửa đất số 154, 155 và tài sản trên đất gồm: nhà lợp tôn, lán lợp pro xi măng, tường bao là tài sản của gia đình mình sở hữu và xây dựng nên vợ chồng anh L, chị V chửi bới, ngăn cản, không cho phá dỡ. Tuy nhiên, L vẫn điều khiển máy xúc tiến hành phá dỡ các công trình trên đất của hai thửa đất này; L điều khiển máy xúc phá đổ một đoạn tường bao diện tích 10,9 x 1,58m = 17,2m^2 làm 01 dại lợp mái bằng tấm pro xi măng có diện tích 3,7 x 3,2 = 11,84m^2 xây dựng sát tường cũng đổ theo. Lúc này, vợ chồng anh L1, chị V sử dụng gạch, vữa vụn ném về phía máy xúc, thấy vậy anh Đ lên buồng điều khiển nói L dừng lại, xuống xe nhưng vẫn bị vợ chồng anh L1, chị V ném gạch, vữa. Anh Đ đóng cửa và đứng cùng L trong cabin buồng điều khiển máy xúc. Anh L1 dùng 01 viên gạch đỏ kích thước 20x10x5 cm ném vào kính chắn gió phía trước máy xúc làm kính vỡ vụn; chị V dùng gạch bi, vữa vụn, ném vào máy xúc; L và anh Đ bỏ chạy. Anh L1 cầm chiếc búa đinh giấu trong tay áo cùng chị V tiếp tục đuổi đánh L và anh Đ nhưng không đuổi được. Anh L1 đi vào nhà cất búa đinh và tiếp tục lấy 01 búa tạ ra đập vào khung sắt phía trước buồng điều khiển nhưng bị bật ra; còn chị V nói: "Đập chết mẹ nó đi" đồng thời ném gạch vào máy xúc. Anh L1 tiếp tục dùng búa đập vỡ kính chắn gió phía sau buồng điều khiển làm thủng, nứt 04 tấm kính chắn gió buồng điều khiển có kích thước lần lượt là: 78x62 cm; 60x52 cm; 72x55 cm và 72x61 cm. Sau đó vợ chồng Liệu V1 tiếp tục chửi bới cho đến khi Công an xã N đến giải quyết.

Tại bản kết luận số 07/HĐ-ĐGTS ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 đoạn tường bao có đặc điểm nêu trên, có giá trị là 10.319.422 đồng; 01 dại lợp mái bằng tấm pro xi măng có đặc điểm nêu trên, có giá trị là 1.373.440 đồng; 04 tấm kính chắn gió buồng điều khiển máy xúc nhãn hiệu YANMAR có đặc điểm nêu trên, có giá trị là 6.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện N, Trần Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 22-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 584; 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Hủy hoại tài sản";

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Vũ Văn L1, bà Lưu Thị V số tiền 11.693.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên biện pháp đảm bảo thi hành án, quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 05-10-2023, bị cáo Trần Văn L có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn L về tội "Hủy hoại tài sản" và tuyên phạt bị cáo 10 tháng tù là đúng người, đúng tội, không oan, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp hết khoản tiền bồi thường cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N và có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, bị cáo L biết thửa đất mình thuê đang tranh chấp nhưng vẫn thuê máy xúc, tự mình điều khiển máy đập phá tài sản của bị hại, mặc dù bị hại có yêu cầu dừng lại nhưng bị cáo vẫn tiếp tục hủy hoại tài sản của bị hại. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo *Trần Văn L*, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt 10 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản".

- Bị hại Vũ Văn L1, Lưu Thị V, luật sư Trịnh Thị H1: Đều đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt như tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Trần Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn L làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo Trần Văn L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo L.

[2] Về nội dung: Trần Văn L biết hai thửa đất số 154, 155 tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại: Xóm I, xã N, huyện N của anh Phạm Văn B, chị Trần Thị N1 đang có tranh chấp và trên đất có nhà lợp tôn, lán lợp pro xi măng, tường bao là tài sản của gia đình anh Vũ Văn L1, chị Lưu Thị V nhưng L vẫn đồng ý thuê để sử dụng. Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 07/5/2022, Trần Văn L đã điều khiển máy xúc phá đổ một đoạn tường bao và 01 dại lợp mái bằng tấm pro xi măng trên thửa đất đã thuê với tổng giá trị thiệt hại là 11.693.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra thu thập lưu trong hồ sơ vụ án; quá trình tiến hành tố tụng theo trình tự sơ thẩm, xét thấy: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn L về tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ pháp lý, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có nộp cho Tòa án biên lai đã nộp tiền bồi thường cho bị hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm và bị cáo có đơn được chính quyền xác nhận hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phải chấp hành hình phạt tù như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp. Cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn L.

[4] Bị cáo Trần Văn L bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Hủy hoại tài sản"; bị hại có yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản bị phá hỏng. Nhưng bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 590 của Bộ luật Dân sự để làm căn cứ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường của bị hại là không đúng Điều luật quy định của pháp luật. Cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Hủy hoại tài sản".

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng

Nơi nhận:
- VKSND - CA tỉnh Nam Định;
- TAND – VKS – CA huyện Trực Ninh;
- Chi cục THA huyện Trực Ninh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.